UBND XÃ MAO ĐIỀN
PHÒNG KINH TẾ

Số: 233/TTr-KT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Mao Điền, ngày 06 tháng 10 năm 2026

TỜ TRÌNH

Về việc công khai tình hình thực hiện dự toán ngân sách quý III năm 2026

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Thông tư số 26/2026/TT-BTC ngày 25 tháng 3 năm 2026 của Bộ Tài chính quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 73/2026/NĐ-CP ngày 10 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước.

Căn cứ Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn công khai Ngân sách nhà nước đối với các cấp ngân sách;

Căn cứ Nghị định số 73/2026/NĐ-CP ngày 10 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Quyết định số 5055/QĐ-UBND ngày 12 tháng 12 năm 2025 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hải Phòng về việc giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2026 cho các cấp, ngành, các đơn vị;

Căn cứ Nghị quyết số 22/NQ-HĐND ngày 23/12/2025 của HĐND xã Mao Điền. Về phân bổ dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn; thu, chi ngân sách địa phương và phân bổ ngân sách năm 2026;

Căn cứ Quyết định số 1235 /QĐ-UBND ngày 26/12/2025 của UBND xã Mao Điền về việc phân bổ dự toán thu ngân sách nhà nước, thu – chi ngân sách địa phương và phương án phân bổ ngân sách xã năm 2026;

Phòng Kinh tế trình Ủy ban nhân dân xã Mao Điền xem xét, quyết định công khai tình hình thực hiện dự toán ngân sách quý III năm 2026 xã Mao Điền:

(Chi tiết theo các biểu đính kèm)

Sau khi được phê duyệt, Phòng Kinh tế chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan tổ chức công khai theo đúng quy định, bao gồm: đăng tải trên Cổng thông tin điện tử và niêm yết tại trụ sở UBND xã.

Kính trình Ủy ban nhân dân xã xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:
- Lãnh đạo UBND xã;
- Lưu: VT, KT.

TRƯỞNG PHÒNG

CỘNG HÒA X.H.C.N VIỆT NAM
PHÒNG KINH TẾ
X. MAO ĐIỀN - T.P HẢI PHÒNG

Trần Xuân Lực

UBND Xã Mao Điền

Biểu số 113/CK-NSNN

CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH XÃ QUÝ 3 NĂM 2026

Từ ngày hiệu lực 01/07/2026 đến ngày hiệu lực 30/09/2026

Kết sổ đến ngày: 08/10/2026

Đơn vị : Đồng

STT	NỘI DUNG	Dự toán	Ước thực hiện	So sánh (%)
A	B	1	2	3=2/1
	TỔNG SỐ THU	**285.229.400.000**	**331.889.708.446**	**116,36**
1	Các khoản thu xã hưởng 100%		7.059.477.877	
2	Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ		293.292.081.527	
3	Thu bổ sung	127.303.000.000	30.237.766.000	23,75
-	Bổ sung cân đối	126.223.000.000		0,00
-	Bổ sung có mục tiêu	1.080.000.000	30.237.766.000	2.799,79
4	Thu chuyển nguồn			
	TỔNG SỐ CHI	**285.229.000.000**	**137.959.177.603**	**48,37**
1	Chi đầu tư phát triển	54.040.000.000	29.380.394.000	54,37
2	Chi thường xuyên theo lĩnh vực	224.474.000.000	78.341.017.603	34,90
3	Dự phòng	5.593.000.000		0,00
4	**Chi chuyển giao ngân sách**		**30.237.766.000**	

UBND Xã Mao Điền

Biểu số 114/CK-NSNN

ƯỚC THỰC HIỆN THU NGÂN SÁCH XÃ QUÝ 3 NĂM 2026

Từ ngày hiệu lực 01/07/2026 đến ngày hiệu lực 30/09/2026

Kết số đến ngày: 08/10/2026

Thời gian in: 09/10/2026 11:17

Đơn vị : Đồng

STT	NỘI DUNG	Dự toán		Ước thực hiên		So sánh (%)	
		THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX
A	B	1	2	3	4	5=3/1	6=4/2
	TỔNG THU	**454.963.000.000**	**285.229.400.000**	**331.889.708.446**	**91.590.015.603**	**72.95**	**32.11**
I	**Các khoản thu hưởng 100%**			**6.147.828.054**	**215.391.554**		
	Các loại phí, lệ phí	170.000.000	170.000.000	152.742.500	83.400.500	89.85	49.06
	Thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản khác	1.090.000.000	1.090.000.000			0	0
	Thu tiền phạt			5.693.696.319	18.216.000		
	Thu tịch thu						
	Thu tiền cho thuê và bán nhà ở thuộc sở hữu nhà nước						
	Thu khác còn lại	700.000.000	140.000.000	301.389.235	113.775.054	43.06	81.27
II	**Các khoản thu thu phân chia theo tỉ lệ %**			**294.203.731.350**	**59.836.475.007**		
	Thu từ khu vực doanh nghiệp do Nhà nước giữ vai trò chủ đạo Trung ương quản lý						
	Thu từ khu vực doanh nghiệp do Nhà nước giữ vai trò chủ đạo địa phương quản lý			260.720.319			
	Thu từ khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài			125.315.530.178			
	Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh	163.460.000.000	88.268.400.000	14.806.695.752	7.995.616.113	9.06	9.06
	Thuế thu nhập cá nhân			27.519.843.228			
	Thuế bảo vệ môi trường do cơ quan thuế thực hiện						
	Lệ phí trước bạ	17.500.000.000	9.750.000.000	3.649.685.213	2.702.336.526	20.86	27.72
	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	1.020.000.000	1.020.000.000	379.566.821	379.566.821	37.21	37.21
	Thu tiền cho thuê đất, thuê mặt nước	8.620.000.000	3.448.000.000	734.316.839	1.203.324.987	8.52	34.9
	Thu tiền sử dụng đất	135.100.000.000	54.040.000.000	121.536.541.000	47.554.798.560	89.96	88
	Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết	700.000.000	140.000.000			0	0
	Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản, vùng trời, vùng biển						
	Thu chênh lệch tỷ giá ngoại tệ						
	Thuế sử dụng đất nông nghiệp						
	Thu hồi các khoản chi năm trước			832.000	832.000		
	Thu tiền bán hàng hóa, vật tư dự trữ						
	Thu tiền cho thuê, bán tài sản khác						

	Lãi thu từ các khoản tham gia góp vốn của nhà nước						
	Thu hồi vốn, lợi nhuận, lợi nhuận sau thuế, chênh lệch thu chi của NHNN						
III	**Thu Viện trợ**						
D	**Thu chuyển nguồn**						
E	**Thu kết dư ngân sách**			**1.300.383.042**	**1.300.383.042**		
I	**Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên**	**127.303.000.000**	**127.303.000.000**	**30.237.766.000**	**30.237.766.000**	**23.75**	**23.75**
1	Bổ sung cân đối	126.223.000.000	126.223.000.000			0	0
2	Bổ sung có mục tiêu	1.080.000.000	1.080.000.000	30.237.766.000	30.237.766.000	2799.79	2799.79

UBND Xã Mao Điền

Biểu số 115/CK-NSNN

ƯỚC THỰC HIỆN CHI NGÂN SÁCH XÃ QUÝ 3 NĂM 2026

Từ ngày hiệu lực 01/07/2026 đến ngày hiệu lực 30/09/2026

Kết sổ đến ngày: 08/10/2026

Đơn vị: Đồng

STT	NỘI DUNG	Dự toán			Ước thực hiện			So sánh (%)		
		TỔNG SỐ	XDCB	TX	TỔNG SỐ	XDCB	TX	TỔNG SỐ	XDCB	TX
A	B	1	2	3	4	5	6	7=4/1	8=5/2	9=6/3
	TỔNG CHI	**285.229.000.000**	**54.040.000.000**	**224.474.000.000**	**106.152.356.532**	**29.380.394.000**	**76.771.962.532**	**37.22**	**54.37**	**34.2**
	Trong đó									
1	Chi giáo dục	136.977.000.000		136.977.000.000	58.772.967.351	8.021.811.000	50.751.156.351	42.91		37.05
2	Chi ứng dụng, chuyển giao công nghệ	390.000.000		390.000.000	-30.000.000		-30.000.000	-7.69		-7.69
3	Chi y tế	5.282.000.000		5.282.000.000	1.406.564.979		1.406.564.979	26.63		26.63
4	Chi văn hóa, thông tin	1.783.000.000		1.783.000.000	3.294.329.006	3.121.434.000	172.895.006	184.76		9.7
5	Chi phát thanh, truyền thanh	380.000.000		380.000.000	31.355.100		31.355.100	8.25		8.25
6	Chi thể dục thể thao	465.000.000		465.000.000	113.338.277		113.338.277	24.37		24.37
7	Chi bảo vệ môi trường	3.971.000.000		3.971.000.000	3.863.834.610		3.863.834.610	97.3		97.3
8	Chi các hoạt động kinh tế	4.139.000.000		4.139.000.000	18.269.115.968	18.108.254.000	160.861.968	441.39		3.89
9	Chi hoạt động của cơ quan quản lý Nhà nước, Đảng, đoàn thể	31.448.000.000		31.448.000.000	8.268.260.671		8.268.260.671	26.29		26.29
10	Chi cho công tác xã hội	33.848.000.000		33.848.000.000	10.977.358.970	128.895.000	10.848.463.970	32.43		32.05
11	Chi quốc phòng	3.099.000.000		3.099.000.000	587.971.400		587.971.400	18.97		18.97
12	Chi an ninh	2.692.000.000		2.692.000.000	597.260.200		597.260.200	22.19		22.19
13	Chi các lĩnh vực khác theo quy định của pháp luật									
B	Các nhiệm vụ chi khác	1.122.000.000						0		
C	Dự phòng ngân sách	5.593.000.000						0		

ỦY BAN NHÂN DÂN **XÃ MAO ĐIỀN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số:1128 /QĐ-UBND	*Mao Điền, ngày 06 tháng 10 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công khai tình hình thực hiện dự toán ngân sách quý III năm 2026

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ MAO ĐIỀN

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Thông tư số 26/2026/TT-BTC ngày 25 tháng 3 năm 2026 của Bộ Tài chính quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 73/2026/NĐ-CP ngày 10 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước.

Căn cứ Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn công khai Ngân sách nhà nước đối với các cấp ngân sách;

Căn cứ Nghị định số 73/2026/NĐ-CP ngày 10 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Quyết định số 5055/QĐ-UBND ngày 12 tháng 12 năm 2025 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hải Phòng về việc giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2026 cho các cấp, ngành, các đơn vị;

Căn cứ Nghị quyết số 22/NQ-HĐND ngày 23/12/2025 của HĐND xã Mao Điền. Về phân bổ dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn; thu, chi ngân sách địa phương và phân bổ ngân sách năm 2026;

Căn cứ Quyết định số 1235 /QĐ-UBND ngày 26/12/2025 của UBND xã Mao Điền về việc phân bổ dự toán thu ngân sách nhà nước, thu – chi ngân sách địa phương và phương án phân bổ ngân sách xã năm 2026;

Theo đề nghị của Trưởng Phòng Kinh tế xã.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công khai tình hình thực hiện dự toán thu, chi ngân sách quý III năm 2026 của xã Mao Điền

(Chi tiết theo các biểu đính kèm)

Điều 2. Phòng Kinh tế phối hợp với các đơn vị có liên quan tổ chức đăng tải trên cổng thông tin điện tử, niêm yết biểu mẫu tình hình thực hiện dự toán thu, chi

ngân sách quý III năm 2026 tại trụ sở UBND xã Mao Điền theo đúng quy định hiện hành.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng HĐND & UBND, Trưởng phòng Kinh tế và các cơ quan, đơn vị có liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:
- Như điều 3;
- Chủ tịch, các PCT UBND xã;
- Lưu: VT, KT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

Trần Xuân Kiều

UBND Xã Mao Điền

Biểu số 113/CK-NSNN

CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH XÃ QUÝ 3 NĂM 2026

Từ ngày hiệu lực 01/07/2026 đến ngày hiệu lực 30/09/2026

Kết sổ đến ngày: 08/10/2026

Đơn vị : Đồng

STT	NỘI DUNG	Dự toán	Ước thực hiện	So sánh (%)
A	B	1	2	3=2/1
	TỔNG SỐ THU	**285.229.400.000**	**331.889.708.446**	**116,36**
1	Các khoản thu xã hưởng 100%		7.059.477.877	
2	Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ		293.292.081.527	
3	Thu bổ sung	127.303.000.000	30.237.766.000	23,75
-	Bổ sung cân đối	126.223.000.000		0,00
-	Bổ sung có mục tiêu	1.080.000.000	30.237.766.000	2.799,79
4	Thu chuyển nguồn			
	TỔNG SỐ CHI	**285.229.000.000**	**137.959.177.603**	**48,37**
1	Chi đầu tư phát triển	54.040.000.000	29.380.394.000	54,37
2	Chi thường xuyên theo lĩnh vực	224.474.000.000	78.341.017.603	34,90
3	Dự phòng	5.593.000.000		0,00
4	**Chi chuyển giao ngân sách**		**30.237.766.000**	

UBND Xã Mao Điền

Biểu số 114/CK-NSNN

ƯỚC THỰC HIỆN THU NGÂN SÁCH XÃ QUÝ 3 NĂM 2026

Từ ngày hiệu lực 01/07/2026 đến ngày hiệu lực 30/09/2026

Kết sổ đến ngày: 08/10/2026

Thời gian in: 09/10/2026 11:17

Đơn vị : Đồng

STT	NỘI DUNG	Dự toán		Ước thực hiên		So sánh (%)	
		THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX
A	B	1	2	3	4	5=3/1	6=4/2
	TỔNG THU	**454.963.000.000**	**285.229.400.000**	**331.889.708.446**	**91.590.015.603**	**72.95**	**32.11**
I	**Các khoản thu hưởng 100%**			**6.147.828.054**	**215.391.554**		
	Các loại phí, lệ phí	170.000.000	170.000.000	152.742.500	83.400.500	89.85	49.06
	Thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản khác	1.090.000.000	1.090.000.000			0	0
	Thu tiền phạt			5.693.696.319	18.216.000		
	Thu tịch thu						
	Thu tiền cho thuê và bán nhà ở thuộc sở hữu nhà nước						
	Thu khác còn lại	700.000.000	140.000.000	301.389.235	113.775.054	43.06	81.27
II	**Các khoản thu thu phân chia theo tỉ lệ %**			**294.203.731.350**	**59.836.475.007**		
	Thu từ khu vực doanh nghiệp do Nhà nước giữ vai trò chủ đạo Trung ương quản lý						
	Thu từ khu vực doanh nghiệp do Nhà nước giữ vai trò chủ đạo địa phương quản lý			260.720.319			
	Thu từ khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài			125.315.530.178			
	Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh	163.460.000.000	88.268.400.000	14.806.695.752	7.995.616.113	9.06	9.06
	Thuế thu nhập cá nhân			27.519.843.228			
	Thuế bảo vệ môi trường do cơ quan thuế thực hiện						
	Lệ phí trước bạ	17.500.000.000	9.750.000.000	3.649.685.213	2.702.336.526	20.86	27.72
	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	1.020.000.000	1.020.000.000	379.566.821	379.566.821	37.21	37.21
	Thu tiền cho thuê đất, thuê mặt nước	8.620.000.000	3.448.000.000	734.316.839	1.203.324.987	8.52	34.9
	Thu tiền sử dụng đất	135.100.000.000	54.040.000.000	121.536.541.000	47.554.798.560	89.96	88
	Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết	700.000.000	140.000.000			0	0
	Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản, vùng trời, vùng biển						
	Thu chênh lệch tỷ giá ngoại tệ						
	Thuế sử dụng đất nông nghiệp						
	Thu hồi các khoản chi năm trước			832.000	832.000		
	Thu tiền bán hàng hóa, vật tư dự trữ						
	Thu tiền cho thuê, bán tài sản khác						

	Lãi thu từ các khoản tham gia góp vốn của nhà nước						
	Thu hồi vốn, lợi nhuận, lợi nhuận sau thuế, chênh lệch thu chi của NHNN						
III	**Thu Viện trợ**						
D	**Thu chuyển nguồn**						
E	**Thu kết dư ngân sách**			**1.300.383.042**	**1.300.383.042**		
I	**Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên**	**127.303.000.000**	**127.303.000.000**	**30.237.766.000**	**30.237.766.000**	**23.75**	**23.75**
1	Bổ sung cân đối	126.223.000.000	126.223.000.000			0	0
2	Bổ sung có mục tiêu	1.080.000.000	1.080.000.000	30.237.766.000	30.237.766.000	2799.79	2799.79

UBND Xã Mao Điền

Biểu số 115/CK-NSNN

ƯỚC THỰC HIỆN CHI NGÂN SÁCH XÃ QUÝ 3 NĂM 2026

Từ ngày hiệu lực 01/07/2026 đến ngày hiệu lực 30/09/2026

Kết sổ đến ngày: 08/10/2026

Đơn vị: Đồng

STT	NỘI DUNG	Dự toán			Ước thực hiện			So sánh (%)		
		TỔNG SỐ	XDCB	TX	TỔNG SỐ	XDCB	TX	TỔNG SỐ	XDCB	TX
A	B	1	2	3	4	5	6	7=4/1	8=5/2	9=6/3
	TỔNG CHI	**285.229.000.000**	**54.040.000.000**	**224.474.000.000**	**106.152.356.532**	**29.380.394.000**	**76.771.962.532**	**37.22**	**54.37**	**34.2**
	Trong đó									
1	Chi giáo dục	136.977.000.000		136.977.000.000	58.772.967.351	8.021.811.000	50.751.156.351	42.91		37.05
2	Chi ứng dụng, chuyển giao công nghệ	390.000.000		390.000.000	-30.000.000		-30.000.000	-7.69		-7.69
3	Chi y tế	5.282.000.000		5.282.000.000	1.406.564.979		1.406.564.979	26.63		26.63
4	Chi văn hóa, thông tin	1.783.000.000		1.783.000.000	3.294.329.006	3.121.434.000	172.895.006	184.76		9.7
5	Chi phát thanh, truyền thanh	380.000.000		380.000.000	31.355.100		31.355.100	8.25		8.25
6	Chi thể dục thể thao	465.000.000		465.000.000	113.338.277		113.338.277	24.37		24.37
7	Chi bảo vệ môi trường	3.971.000.000		3.971.000.000	3.863.834.610		3.863.834.610	97.3		97.3
8	Chi các hoạt động kinh tế	4.139.000.000		4.139.000.000	18.269.115.968	18.108.254.000	160.861.968	441.39		3.89
9	Chi hoạt động của cơ quan quản lý Nhà nước, Đảng, đoàn thể	31.448.000.000		31.448.000.000	8.268.260.671		8.268.260.671	26.29		26.29
10	Chi cho công tác xã hội	33.848.000.000		33.848.000.000	10.977.358.970	128.895.000	10.848.463.970	32.43		32.05
11	Chi quốc phòng	3.099.000.000		3.099.000.000	587.971.400		587.971.400	18.97		18.97
12	Chi an ninh	2.692.000.000		2.692.000.000	597.260.200		597.260.200	22.19		22.19
13	Chi các lĩnh vực khác theo quy định của pháp luật									
B	Các nhiệm vụ chi khác	1.122.000.000						0		
C	Dự phòng ngân sách	5.593.000.000						0		

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

BIÊN BẢN
Về việc công khai tình hình thực hiện dự toán ngân sách quý III năm 2026

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Thông tư số 26/2026/TT-BTC ngày 25 tháng 3 năm 2026 của Bộ Tài chính quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 73/2026/NĐ-CP ngày 10 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn công khai Ngân sách nhà nước đối với các cấp ngân sách;

Căn cứ Nghị định số 73/2026/NĐ-CP ngày 10 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Nghị quyết số 22/NQ-HĐND ngày 23/12/2025 của HĐND xã Mao Điền. Về phân bổ dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn; thu, chi ngân sách địa phương và phân bổ ngân sách năm 2026;

Căn cứ Quyết định số 1235 /QĐ-UBND ngày 26/12/2025 của UBND xã Mao Điền về việc phân bổ dự toán thu ngân sách nhà nước, thu – chi ngân sách địa phương và phương án phân bổ ngân sách xã năm 2026;

Căn cứ Quyết định số 1128/QĐ-UBND ngày 06/10/2026 của Uỷ ban nhân dân xã Mao Điền về việc công khai tình hình thực hiện dự toán ngân sách quý III năm 2026;

Hôm nay vào lúc 8 giờ 00, ngày 06 tháng 10 năm 2026 tại UBND xã Mao Điền.

*** Thành phần tham dự:**

1/ Ông Nguyễn Đình Hiền	Chức vụ: Phó Chủ tịch TT UBND
2/ Ông Vũ Văn Thuận	Chức vụ: Chủ tịch UB MTTQ
3/ Ông Lương Đình Hiền	Chức vụ: Chánh VP HĐND và UBND
4/ Ông Trần Xuân Lực	Chức vụ: Trưởng phòng Kinh tế
5/ Bà Trần Thị Lệ Giang	Chức vụ: CC phòng Kinh tế xã - Thư ký

*** Nội dung biên bản:**

Tiến hành công khai và niêm yết công khai công khai tình hình thực hiện dự toán ngân sách quý III năm 2026

*** Thành phần niêm yết:**

- Công khai và niêm yết công khai công khai tình hình thực hiện dự toán ngân sách quý III năm 2026.

(Chi tiết theo biểu mẫu 113, 114, 115)

Thời gian niên yết: Kể từ ngày 06/10/2026 đến ngày 06/11/2026.

Biên bản kết thúc lúc 8 giờ 30 phút.

NGƯỜI LẬP BIÊN BẢN	**KT. CHỦ TỊCH** **PHÓ CHỦ TỊCH**
Trần Thị Lệ Giang	**Nguyễn Đình Hiền**

CÁC THÀNH VIÊN

Trần Xuân Lực

Vũ Văn Thuận

UBND Xã Mao Điền

Biểu số 113/CK-NSNN

CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH XÃ QUÝ 3 NĂM 2026

Từ ngày hiệu lực 01/07/2026 đến ngày hiệu lực 30/09/2026

Kết sổ đến ngày: 08/10/2026

Đơn vị : Đồng

STT	NỘI DUNG	Dự toán	Ước thực hiện	So sánh (%)
A	B	1	2	3=2/1
	TỔNG SỐ THU	**285.229.400.000**	**331.889.708.446**	**116,36**
1	Các khoản thu xã hưởng 100%		7.059.477.877	
2	Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ		293.292.081.527	
3	Thu bổ sung	127.303.000.000	30.237.766.000	23,75
-	Bổ sung cân đối	126.223.000.000		0,00
-	Bổ sung có mục tiêu	1.080.000.000	30.237.766.000	2.799,79
4	Thu chuyển nguồn			
	TỔNG SỐ CHI	**285.229.000.000**	**137.959.177.603**	**48,37**
1	Chi đầu tư phát triển	54.040.000.000	29.380.394.000	54,37
2	Chi thường xuyên theo lĩnh vực	224.474.000.000	78.341.017.603	34,90
3	Dự phòng	5.593.000.000		0,00
4	**Chi chuyển giao ngân sách**		**30.237.766.000**	

UBND Xã Mao Điền

Biểu số 114/CK-NSNN

ƯỚC THỰC HIỆN THU NGÂN SÁCH XÃ QUÝ 3 NĂM 2026

Từ ngày hiệu lực 01/07/2026 đến ngày hiệu lực 30/09/2026

Kết sổ đến ngày: 08/10/2026

Thời gian in: 09/10/2026 11:17

Đơn vị : Đồng

STT	NỘI DUNG	Dự toán		Ước thực hiên		So sánh (%)	
		THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX
A	B	1	2	3	4	5=3/1	6=4/2
	TỔNG THU	**454.963.000.000**	**285.229.400.000**	**331.889.708.446**	**91.590.015.603**	**72.95**	**32.11**
I	**Các khoản thu hưởng 100%**			**6.147.828.054**	**215.391.554**		
	Các loại phí, lệ phí	170.000.000	170.000.000	152.742.500	83.400.500	89.85	49.06
	Thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản khác	1.090.000.000	1.090.000.000			0	0
	Thu tiền phạt			5.693.696.319	18.216.000		
	Thu tịch thu						
	Thu tiền cho thuê và bán nhà ở thuộc sở hữu nhà nước						
	Thu khác còn lại	700.000.000	140.000.000	301.389.235	113.775.054	43.06	81.27
II	**Các khoản thu thu phân chia theo tỉ lệ %**			**294.203.731.350**	**59.836.475.007**		
	Thu từ khu vực doanh nghiệp do Nhà nước giữ vai trò chủ đạo Trung ương quản lý						
	Thu từ khu vực doanh nghiệp do Nhà nước giữ vai trò chủ đạo địa phương quản lý			260.720.319			
	Thu từ khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài			125.315.530.178			
	Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh	163.460.000.000	88.268.400.000	14.806.695.752	7.995.616.113	9.06	9.06
	Thuế thu nhập cá nhân			27.519.843.228			
	Thuế bảo vệ môi trường do cơ quan thuế thực hiện						
	Lệ phí trước bạ	17.500.000.000	9.750.000.000	3.649.685.213	2.702.336.526	20.86	27.72
	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	1.020.000.000	1.020.000.000	379.566.821	379.566.821	37.21	37.21
	Thu tiền cho thuê đất, thuê mặt nước	8.620.000.000	3.448.000.000	734.316.839	1.203.324.987	8.52	34.9
	Thu tiền sử dụng đất	135.100.000.000	54.040.000.000	121.536.541.000	47.554.798.560	89.96	88
	Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết	700.000.000	140.000.000			0	0
	Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản, vùng trời, vùng biển						
	Thu chênh lệch tỷ giá ngoại tệ						
	Thuế sử dụng đất nông nghiệp						
	Thu hồi các khoản chi năm trước			832.000	832.000		
	Thu tiền bán hàng hóa, vật tư dự trữ						
	Thu tiền cho thuê, bán tài sản khác						

	Lãi thu từ các khoản tham gia góp vốn của nhà nước						
	Thu hồi vốn, lợi nhuận, lợi nhuận sau thuế, chênh lệch thu chi của NHNN						
III	**Thu Viện trợ**						
D	**Thu chuyển nguồn**						
E	**Thu kết dư ngân sách**			**1.300.383.042**	**1.300.383.042**		
I	**Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên**	**127.303.000.000**	**127.303.000.000**	**30.237.766.000**	**30.237.766.000**	**23.75**	**23.75**
1	Bổ sung cân đối	126.223.000.000	126.223.000.000			0	0
2	Bổ sung có mục tiêu	1.080.000.000	1.080.000.000	30.237.766.000	30.237.766.000	2799.79	2799.79

UBND Xã Mao Điền

Biểu số 115/CK-NSNN

ƯỚC THỰC HIỆN CHI NGÂN SÁCH XÃ QUÝ 3 NĂM 2026

Từ ngày hiệu lực 01/07/2026 đến ngày hiệu lực 30/09/2026

Kết sổ đến ngày: 08/10/2026

Đơn vị: Đồng

STT	NỘI DUNG	Dự toán			Ước thực hiện			So sánh (%)		
		TỔNG SỐ	XDCB	TX	TỔNG SỐ	XDCB	TX	TỔNG SỐ	XDCB	TX
A	B	1	2	3	4	5	6	7=4/1	8=5/2	9=6/3
	TỔNG CHI	**285.229.000.000**	**54.040.000.000**	**224.474.000.000**	**106.152.356.532**	**29.380.394.000**	**76.771.962.532**	**37.22**	**54.37**	**34.2**
	Trong đó									
1	Chi giáo dục	136.977.000.000		136.977.000.000	58.772.967.351	8.021.811.000	50.751.156.351	42.91		37.05
2	Chi ứng dụng, chuyển giao công nghệ	390.000.000		390.000.000	-30.000.000		-30.000.000	-7.69		-7.69
3	Chi y tế	5.282.000.000		5.282.000.000	1.406.564.979		1.406.564.979	26.63		26.63
4	Chi văn hóa, thông tin	1.783.000.000		1.783.000.000	3.294.329.006	3.121.434.000	172.895.006	184.76		9.7
5	Chi phát thanh, truyền thanh	380.000.000		380.000.000	31.355.100		31.355.100	8.25		8.25
6	Chi thể dục thể thao	465.000.000		465.000.000	113.338.277		113.338.277	24.37		24.37
7	Chi bảo vệ môi trường	3.971.000.000		3.971.000.000	3.863.834.610		3.863.834.610	97.3		97.3
8	Chi các hoạt động kinh tế	4.139.000.000		4.139.000.000	18.269.115.968	18.108.254.000	160.861.968	441.39		3.89
9	Chi hoạt động của cơ quan quản lý Nhà nước, Đảng, đoàn thể	31.448.000.000		31.448.000.000	8.268.260.671		8.268.260.671	26.29		26.29
10	Chi cho công tác xã hội	33.848.000.000		33.848.000.000	10.977.358.970	128.895.000	10.848.463.970	32.43		32.05
11	Chi quốc phòng	3.099.000.000		3.099.000.000	587.971.400		587.971.400	18.97		18.97
12	Chi an ninh	2.692.000.000		2.692.000.000	597.260.200		597.260.200	22.19		22.19
13	Chi các lĩnh vực khác theo quy định của pháp luật									
B	Các nhiệm vụ chi khác	1.122.000.000						0		
C	Dự phòng ngân sách	5.593.000.000						0		

UỶ BAN NHÂN DÂN **XÃ MAO ĐIỀN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập -Tự do - Hạnh phúc**

BIÊN BẢN
Kết quả niêm yết công khai tình hình
thực hiện dự toán ngân sách quý III năm 2026

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Thông tư số 26/2026/TT-BTC ngày 25 tháng 3 năm 2026 của Bộ Tài chính quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 73/2025/NĐ-CP ngày 10 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước.

Căn cứ Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn công khai Ngân sách nhà nước đối với các cấp ngân sách;

Căn cứ Nghị định số 73/2026/NĐ-CP ngày 10 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Quyết định số 5055/QĐ-UBND ngày 12 tháng 12 năm 2025 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hải Phòng về việc giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2026 cho các cấp, ngành, các đơn vị;

Căn cứ Nghị quyết số 22/NQ-HĐND ngày 23/12/2025 của HĐND xã Mao Điền. Về phân bổ dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn; thu, chi ngân sách địa phương và phân bổ ngân sách năm 2026;

Căn cứ Quyết định số 1235 /QĐ-UBND ngày 26/12/2025 của UBND xã Mao Điền về việc phân bổ dự toán thu ngân sách nhà nước, thu – chi ngân sách địa phương và phương án phân bổ ngân sách xã năm 2026;

Căn cứ Quyết định số 1128 /QĐ-UBND ngày 06/10 /2026 của Uỷ ban nhân dân xã Mao Điền về việc công khai tình hình thực hiện dự toán ngân sách quý II năm 2026;

Căn cứ Biên bản về việc công khai tình hình thực hiện dự toán ngân sách quý III năm 2026 ngày 06 tháng 10 năm 2026.

Hôm nay ngày 06 tháng 11 năm 2026, Tại Trụ sở UBND xã Mao Điền, Chúng tôi gồm có:

1/ Ông Nguyễn Đình Hiền Chức vụ: Phó Chủ tịch TT UBND

2/ Ông Vũ Văn Thuận Chức vụ: Chủ tịch UB MTTQ

3/ Ông Lương Đình Hiền Chức vụ: Chánh VP HĐND và UBND

4/ Ông Trần Xuân Lực Chức vụ: Trưởng phòng Kinh tế

5/ Bà Trần Thị Lệ Giang Chức vụ: CC phòng Kinh tế xã - Thư ký

Tiến hành lập Biên bản về kết quả niêm yết công khai tình hình thực hiện dự toán ngân sách quý III năm 2026 ngày 06 tháng 11 năm 2026.

Trong khoảng thời gian niêm yết từ ngày 06/10/2026 đến ngày 06/11/2026, xã không nhận được ý kiến phản hồi nào.

Kết luận: 100% ý kiến của các thành viên nhất trí với nội dung niêm yết công khai tình hình thực hiện dự toán ngân sách quý III năm 2026 ngày 06 tháng 11 năm 2026.

Biên bản được lập thành 02 bản, Niêm yết tại trụ sở 01 bản, lưu tại phòng kế toán 01 bản.

NGƯỜI LẬP BIÊN BẢN

Trần Thị Lệ Giang

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Đình Hiền

CÁC THÀNH VIÊN

Trần Xuân Lực

Vũ Văn Thuận

UBND Xã Mao Điền

Biểu số 113/CK-NSNN

CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH XÃ QUÝ 3 NĂM 2026

Từ ngày hiệu lực 01/07/2026 đến ngày hiệu lực 30/09/2026

Kết sổ đến ngày: 08/10/2026

Đơn vị : Đồng

STT	NỘI DUNG	Dự toán	Ước thực hiện	So sánh (%)
A	B	1	2	3=2/1
	TỔNG SỐ THU	**285.229.400.000**	**331.889.708.446**	**116,36**
1	Các khoản thu xã hưởng 100%		7.059.477.877	
2	Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ		293.292.081.527	
3	Thu bổ sung	127.303.000.000	30.237.766.000	23,75
-	Bổ sung cân đối	126.223.000.000		0,00
-	Bổ sung có mục tiêu	1.080.000.000	30.237.766.000	2.799,79
4	Thu chuyển nguồn			
	TỔNG SỐ CHI	**285.229.000.000**	**137.959.177.603**	**48,37**
1	Chi đầu tư phát triển	54.040.000.000	29.380.394.000	54,37
2	Chi thường xuyên theo lĩnh vực	224.474.000.000	78.341.017.603	34,90
3	Dự phòng	5.593.000.000		0,00
4	**Chi chuyển giao ngân sách**		**30.237.766.000**	

UBND Xã Mao Điền

Biểu số 114/CK-NSNN

ƯỚC THỰC HIỆN THU NGÂN SÁCH XÃ QUÝ 3 NĂM 2026

Từ ngày hiệu lực 01/07/2026 đến ngày hiệu lực 30/09/2026

Kết số đến ngày: 08/10/2026

Thời gian in: 09/10/2026 11:17

Đơn vị : Đồng

STT	NỘI DUNG	Dự toán		Ước thực hiên		So sánh (%)	
		THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX
A	B	1	2	3	4	5=3/1	6=4/2
	TỔNG THU	**454.963.000.000**	**285.229.400.000**	**331.889.708.446**	**91.590.015.603**	**72.95**	**32.11**
I	**Các khoản thu hưởng 100%**			**6.147.828.054**	**215.391.554**		
	Các loại phí, lệ phí	170.000.000	170.000.000	152.742.500	83.400.500	89.85	49.06
	Thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản khác	1.090.000.000	1.090.000.000			0	0
	Thu tiền phạt			5.693.696.319	18.216.000		
	Thu tịch thu						
	Thu tiền cho thuê và bán nhà ở thuộc sở hữu nhà nước						
	Thu khác còn lại	700.000.000	140.000.000	301.389.235	113.775.054	43.06	81.27
II	**Các khoản thu thu phân chia theo tỉ lệ %**			**294.203.731.350**	**59.836.475.007**		
	Thu từ khu vực doanh nghiệp do Nhà nước giữ vai trò chủ đạo Trung ương quản lý						
	Thu từ khu vực doanh nghiệp do Nhà nước giữ vai trò chủ đạo địa phương quản lý			260.720.319			
	Thu từ khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài			125.315.530.178			
	Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh	163.460.000.000	88.268.400.000	14.806.695.752	7.995.616.113	9.06	9.06
	Thuế thu nhập cá nhân			27.519.843.228			
	Thuế bảo vệ môi trường do cơ quan thuế thực hiện						
	Lệ phí trước bạ	17.500.000.000	9.750.000.000	3.649.685.213	2.702.336.526	20.86	27.72
	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	1.020.000.000	1.020.000.000	379.566.821	379.566.821	37.21	37.21
	Thu tiền cho thuê đất, thuê mặt nước	8.620.000.000	3.448.000.000	734.316.839	1.203.324.987	8.52	34.9
	Thu tiền sử dụng đất	135.100.000.000	54.040.000.000	121.536.541.000	47.554.798.560	89.96	88
	Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết	700.000.000	140.000.000			0	0
	Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản, vùng trời, vùng biển						
	Thu chênh lệch tỷ giá ngoại tệ						
	Thuế sử dụng đất nông nghiệp						
	Thu hồi các khoản chi năm trước			832.000	832.000		
	Thu tiền bán hàng hóa, vật tư dự trữ						
	Thu tiền cho thuê, bán tài sản khác						

	Lãi thu từ các khoản tham gia góp vốn của nhà nước						
	Thu hồi vốn, lợi nhuận, lợi nhuận sau thuế, chênh lệch thu chi của NHNN						
III	**Thu Viện trợ**						
D	**Thu chuyển nguồn**						
E	**Thu kết dư ngân sách**			**1.300.383.042**	**1.300.383.042**		
I	**Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên**	**127.303.000.000**	**127.303.000.000**	**30.237.766.000**	**30.237.766.000**	**23.75**	**23.75**
1	Bổ sung cân đối	126.223.000.000	126.223.000.000			0	0
2	Bổ sung có mục tiêu	1.080.000.000	1.080.000.000	30.237.766.000	30.237.766.000	2799.79	2799.79

UBND Xã Mao Điền

Biểu số 115/CK-NSNN

ƯỚC THỰC HIỆN CHI NGÂN SÁCH XÃ QUÝ 3 NĂM 2026

Từ ngày hiệu lực 01/07/2026 đến ngày hiệu lực 30/09/2026

Kết sổ đến ngày: 08/10/2026

Đơn vị: Đồng

STT	NỘI DUNG	Dự toán			Ước thực hiện			So sánh (%)		
		TỔNG SỐ	XDCB	TX	TỔNG SỐ	XDCB	TX	TỔNG SỐ	XDCB	TX
A	B	1	2	3	4	5	6	7=4/1	8=5/2	9=6/3
	TỔNG CHI	**285.229.000.000**	**54.040.000.000**	**224.474.000.000**	**106.152.356.532**	**29.380.394.000**	**76.771.962.532**	**37.22**	**54.37**	**34.2**
	Trong đó									
1	Chi giáo dục	136.977.000.000		136.977.000.000	58.772.967.351	8.021.811.000	50.751.156.351	42.91		37.05
2	Chi ứng dụng, chuyển giao công nghệ	390.000.000		390.000.000	-30.000.000		-30.000.000	-7.69		-7.69
3	Chi y tế	5.282.000.000		5.282.000.000	1.406.564.979		1.406.564.979	26.63		26.63
4	Chi văn hóa, thông tin	1.783.000.000		1.783.000.000	3.294.329.006	3.121.434.000	172.895.006	184.76		9.7
5	Chi phát thanh, truyền thanh	380.000.000		380.000.000	31.355.100		31.355.100	8.25		8.25
6	Chi thể dục thể thao	465.000.000		465.000.000	113.338.277		113.338.277	24.37		24.37
7	Chi bảo vệ môi trường	3.971.000.000		3.971.000.000	3.863.834.610		3.863.834.610	97.3		97.3
8	Chi các hoạt động kinh tế	4.139.000.000		4.139.000.000	18.269.115.968	18.108.254.000	160.861.968	441.39		3.89
9	Chi hoạt động của cơ quan quản lý Nhà nước, Đảng, đoàn thể	31.448.000.000		31.448.000.000	8.268.260.671		8.268.260.671	26.29		26.29
10	Chi cho công tác xã hội	33.848.000.000		33.848.000.000	10.977.358.970	128.895.000	10.848.463.970	32.43		32.05
11	Chi quốc phòng	3.099.000.000		3.099.000.000	587.971.400		587.971.400	18.97		18.97
12	Chi an ninh	2.692.000.000		2.692.000.000	597.260.200		597.260.200	22.19		22.19
13	Chi các lĩnh vực khác theo quy định của pháp luật									
B	Các nhiệm vụ chi khác	1.122.000.000						0		
C	Dự phòng ngân sách	5.593.000.000						0		